

Tái phân kì văn bản hương ước Việt Nam

Đào Phương Chi¹

¹ Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phuongchivhn@gmail.com

Nhận ngày 9 tháng 3 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 6 năm 2020.

Tóm tắt: Hương ước là văn bản ghi chép những quy định trong nội bộ làng xã. Các học giả Việt Nam thường chia hương ước thành 3 giai đoạn: Cổ (1921 trở về trước); Cải lương (1921 đến 1945); Mới (từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay). Qua khảo sát văn bản hương ước Hán Nôm, người viết nhận thấy cách phân kỳ hương ước nói trên chưa thực sự hợp lý: giữa hương ước cổ và hương ước cải lương còn có một giai đoạn nữa - cải lương thí điểm (từ khoảng 1905/1906 đến trước ngày 12 tháng 8 năm 1921). Hương ước cải lương thí điểm có vai trò “bản lề” giữa hương ước cổ và cải lương, với những đặc điểm riêng. Vì vậy, nó có một vị trí đặc định trong hương ước Việt Nam. Từ kết quả khảo sát, bài viết đưa ra nhận định: hương ước Việt Nam nên được chia thành 4 giai đoạn: Cổ, Cải lương thí điểm, Cải lương và Mới.

Từ khóa: Hương ước, làng xã Việt Nam, phân kỳ hương ước, cải lương thí điểm, Việt Nam.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: *Hương ước* are documents to record the regulations of a village. Vietnamese researchers often classify village regulations into those of three periods: old (up to 1921), reformed (from 1921 to 1945), and new village regulations (from the early 1990s to the present). Having studied Sino-Nom documents, the author has found that the above-mentioned method of periodising is not really rational - there is a period between those of the old village regulations and the village regulations, which is that of pilot reformed village regulations, lasting from 1905/1906 to before 12 August 1921. The pilot reformed village regulations play the role of connecting the old and the reformed ones, having their own characteristics. They, therefore, have a special position among Vietnamese village regulations. From the results of the survey, the author deems that Vietnamese village regulations should be classified into those of four periods: old, pilot reformed, reformed, and new village regulations.

Keywords: Village regulation, Vietnamese villages, periodisation of village regulations, pilot reformed regulations, Vietnam.

Subject classification: Cultural studies

1. Mở đầu

Hương ước, còn gọi là Tục lệ, Khoán lệ, Hương lệ²... “là bản ghi chép các điều lệ liên quan đến tổ chức xã hội cũng như đến đời sống xã hội trong làng, các điều lệ hình thành dần trong lịch sử, được điều chỉnh và bổ sung mỗi khi cần thiết” [11, tr.62].

Hương ước xuất hiện tại Việt Nam muộn nhất là từ thế kỷ XV, và cho tới nay vẫn tiếp tục được các làng xã biên soạn. Tuy nhiên, tùy từng giai đoạn lịch sử mà hương ước cũng mang những đặc điểm khác nhau trong mỗi thời kỳ, sự phân kỳ của hương ước cũng thường được dựa trên mốc thời gian lịch sử và đặc điểm để xác định. Trong bài viết này*, chúng tôi dựa trên cơ sở là các văn bản tục lệ Hán Nôm để đưa ra một cách phân kỳ hương ước khác với cách phân kỳ quen thuộc xưa nay.

2. Sự phân kì hương ước Việt Nam của các nhà nghiên cứu tiền bối

Theo thống kê của chúng tôi, ít nhất sự phân kỳ hương ước đã xuất hiện trong 5 công trình sau đây:

1. Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Nguyễn Thế Long (2000), *Hà Nội xưa qua hương ước*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.

3. Ngô Đức Thịnh (2000), “Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam”, *Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Phan Đại Doãn và Bùi Xuân Đính (2000), “Ba thời kỳ phát triển của hương ước”, *Luật tục và phát triển nông thôn*

hiện nay ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Các tác giả đã có những quan niệm về phân kỳ hương ước như sau:

Một là, “Trước Cách mạng tháng Tám 1945, ở một bộ phận lớn các làng xã người Việt trên vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có các bản hương ước (...). Có thể chia các bản hương ước này thành hai loại ứng với hai thời kỳ lịch sử khác nhau. Thời kỳ trước cuộc cải lương hương chính của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ, các bản hương ước đều bằng chữ Hán³, do các làng tự soạn thảo, không theo mẫu thống nhất, do vậy, chúng đa dạng về tên gọi, nội dung thể hiện, số lượng cũng như trật tự sắp xếp các điều khoản của từng nội dung được phản ánh. Còn các bản hương ước được soạn thảo theo chủ trương cải lương hương chính năm 1921 (được bổ sung vào các năm 1927 và 1941)⁴, phần lớn đều chép bằng chữ quốc ngữ, một số bản bằng chữ Hán⁵”, [7, tr.203].

Hai là, “Hương ước (...) còn lại đến ngày nay gồm một số bản *hương ước cổ thế kỷ 19 dưới triều Nguyễn và đầu thế kỷ 20⁶*, viết bằng chữ Hán, Nôm, được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và những *hương ước cải lương dưới chế độ thực dân phong kiến, từ sau năm 1921*, được lưu trữ tại Viện thông tin khoa học xã hội⁷, đều do Viễn Đông Bác Cổ sưu tầm vào những năm 40 (...)”, [12, tr.30].

Ba là, “Hương ước có hai loại, *hương ước cổ viết bằng chữ Hán hay Nôm và hương ước cải lương ra đời đầu thế kỷ XX do chủ trương cải lương hương chính của thực dân Pháp*. Nếu kể tới việc hiện nay

nhiều làng xã xây dựng hương ước mới (...), thì có thể coi *hương ước của người Việt đã ba lần thay đổi: từ hương ước cổ - hương ước cải lương đến Quy ước nông thôn mới*” [13, tr.29].

Bốn là, “(...) hương ước đã trải qua 3 thời kỳ phát triển:

- Thời kỳ từ giữa thế kỷ XV đến năm 1921: các làng xã tự soạn thảo hương ước, gọi là các bản “hương ước cổ”.

- Thời kỳ từ 1921 đến khi Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ: hương ước được soạn thảo theo ý đồ cải lương hương thôn của thực dân Pháp, còn gọi là “hương ước cải lương”.

- Thời kỳ từ đầu thập kỷ 90 trở lại đây: là thời kỳ “tái lập hương ước”, hay còn gọi là “hương ước mới” [6, tr. 125].

Năm là, “Nói hương ước cổ là nói đến những văn bản hương ước được soạn thảo bằng chữ Hán, chữ Nôm, trong khoảng từ thế kỷ XV cho đến một số thập niên của nửa đầu thế kỷ XX, tức là trước thời kỳ chính quyền thực dân Pháp thực hiện chế độ hương ước cải lương, thường gọi cải lương hương chính (...) vào tháng 8 năm 1921 ở Bắc Kỳ” [14, tr.27].

Sáu là, “Ngày nay, nhiều làng ở đồng bằng Bắc Bộ đã lập lại hương ước với nội dung phù hợp với pháp luật, với đời sống kinh tế - xã hội trong tình hình mới” [7, tr.7].

Như vậy, hương ước đã được các nhà nghiên cứu chia làm ba loại với những tên gọi, thời kỳ tồn tại và văn tự khác nhau (Bảng 1):

Bảng 1: Các loại hương ước theo sự phân kì của các học giả

TT	Loại hương ước	Thời gian	Văn tự	Người phân kì
1	“Hương ước cổ”	TK XIX - đầu TK XX	Chữ Hán, Nôm	Nguyễn Thế Long
		TK XV - trước tháng 8/1921	Chữ Hán, Nôm	Kiều Thu Hoạch
		Giữa TK XV đến 1921	Chữ Hán, Nôm	Ngô Đức Thịnh Phan Đại Doãn - Bùi Xuân Đỉnh
2	“Hương ước trước cuộc cải lương hương chính”	Trước cuộc cải lương hương chính ở Bắc Kỳ	Chữ Hán	Bùi Xuân Đỉnh
		Sau 1921		Nguyễn Thế Long
		Đầu TK XX		Ngô Đức Thịnh
3	“Hương ước cải lương”	1921 - CM Tháng Tám		Phan Đại Doãn - Bùi Xuân Đỉnh
		“Hương ước được soạn thảo theo chủ trương cải lương hương chính năm 1921”	Chữ Hán, quốc ngữ	Bùi Xuân Đỉnh
		Đầu thập kỷ 90 trở lại đây		Phan Đại Doãn Phan Đại Doãn - Bùi Xuân Đỉnh
	Quy ước nông thôn mới			Ngô Đức Thịnh

Có thể thấy, mặc dù có sự không thống nhất về tên gọi của các loại hương ước, cũng như thời gian tồn tại và văn tự của mỗi loại, nhưng tổng hợp các quan điểm của người đi trước, có thể thấy, hương ước nói chung được chia thành ba dạng: 1. “Hương ước cổ” (trước cải lương hương chính); 2. “Hương ước cải lương” (soạn thảo theo chủ trương cải lương hương chính trong Nghị định và lời chỉ thị về việc lập các Hương hội và lập sổ chi thu các xã trong xứ Bắc Kỳ⁸ (gọi tắt là Nghị định) của Thống sứ Bắc Kỳ ban hành ngày 12 tháng 8 năm 1921); 3. “Hương ước mới” (đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX trở lại đây).

3. Diện mạo của ba loại hương ước

Một là, hương ước cổ: hiện chưa tìm được chứng cứ cho biết văn bản hương ước sớm nhất được biên soạn vào năm nào, nhưng dựa vào điều *Cấm dân tục thiết lập tư ước* trong *Hồng Đức thiện chính*⁹, các nhà nghiên cứu cho rằng, vào thế kỷ XV, Việt Nam đã có hương ước. Như vậy, hương ước cổ đã trải qua thời kỳ lịch sử muộn nhất là từ thế kỷ XV cho tới trước ngày 12 tháng 8 năm 1921, thời điểm ban hành Nghị định. Nội dung được ghi trong hương ước cổ là những quy định về tục lệ của từng làng xã, trong đó, có rất nhiều hủ tục (chủ yếu thể hiện ở tế tự, cưới hỏi, tang ma, khao vọng thường mang nhiều thủ tục phiền phức, chi phí tốn kém, nặng nề; các hình phạt áp dụng cho những cá nhân vi phạm luật làng - đặc biệt là về tội hoang dâm - rất nghiêm khắc, thậm chí là tàn nhẫn).

Hai là, hương ước cải lương: sau ngày 12 tháng 8 năm 1921, hầu hết các làng xã

đều phải lập hương ước cải lương theo mẫu cho sẵn¹⁰, gồm 2 phần: phần thứ nhất là *Điều lệ tổng cục* (gồm các mục: Chính trị, Sổ chi thu, Suu thuế, Kiện cáo, Tuần đinh, Cứu cấp, Vệ sinh, v.v..); phần thứ hai là *Tục lệ* (gồm các mục: Ruộng đất, Hôn lễ, Tang lễ, Tế tự, Khao vọng, v.v..). Hương ước trong thời kỳ này, trừ những trường hợp cá biệt, hầu hết mang tính rập khuôn ở phần thứ nhất. Phần thứ hai, tuy phong tục của làng nói chung vẫn được giữ nguyên nhưng tất cả các hủ tục (chủ yếu là những hình thức “trả nợ miệng” trong cưới hỏi, tang ma, khao vọng... và sự tốn kém rình rang trong tế lễ) đã được dẹp trừ; những hình phạt tàn nhẫn cũng bị bãi bỏ.

Ba là, hương ước mới: từ sau Cách mạng tháng Tám, do bị quan điểm cực đoan cứng nhắc coi là tàn dư chế độ cũ, nên hương ước đã bị loại bỏ khỏi đời sống xã hội. Sớm nhận ra sai lầm này, năm 1958, khi về thăm Thái Bình, Bác Hồ đã nhắc nhở: “Hương ước là những khoản ước trong làng, người ta quy định với nhau không được để trâu bò phá lúa, gà què ăn rau, ăn mạ, không được trộm cắp của nhau, v.v.. Đây là những phong tục hay của nông thôn nước ta trước đây. Từ sau ngày Cách mạng, các chú đem xóa bỏ cả, thế là không đúng. Cách mạng chỉ xóa bỏ cái xấu, cái dở và giữ lại cái tốt, cái hay” [1, tr.43]. Tuy vậy, phải đến sau “Khoán 10”, khi “hộ gia đình (...) được trở lại là đơn vị kinh tế tự chủ (...), vị trí và vai trò trong quản lý kinh tế - xã hội của thôn (tức làng cũ) - với tính cách là cộng đồng dân cư truyền thống có thiết chế tổ chức riêng, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tâm lý, tính cách riêng của xã hội, đã dần dần được khẳng định lại. Hiện tượng lập lại hương ước với tên gọi “quy ước làng”

bắt đầu xuất hiện ở một số làng thuộc tỉnh Hà Bắc (cũ)” [6, tr.125]. Tiếp đó, việc xây dựng và thực hiện hương ước/ quy ước lại liên tục được những người đứng đầu Đảng và Chính phủ quan tâm chỉ đạo qua nhiều văn bản như: Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 (khóa VII) ngày 10 tháng 6 năm 1993; Nghị quyết Trung ương V khóa VIII (năm 1996); Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư (năm 1998); Thông tư liên tịch Hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư (năm 2000)... Với những văn bản kể trên, việc xây dựng “hương ước mới” đã dần đi vào quy chuẩn và cho tới nay, hầu hết các làng xã đều đã thực hiện việc xây dựng hương ước mới¹¹.

4. Hương ước cải lương thí điểm - hay tái phân kì hương ước Việt Nam

Nếu xét về yếu tố thời gian thì sự phân kỳ hương ước trên không có gì cần bàn lại. Nhưng thực tế cho thấy, văn bản hương ước không chỉ gồm ba giai đoạn này. Giữa hương ước cổ và hương ước cải lương còn có một bước chuyển, bao gồm những văn bản hương ước trong thời kỳ cải lương hương chính/ hương tục thí điểm (gọi tắt là cải lương thí điểm). Đây chính là nguồn tư liệu quý giá cung cấp nhiều thông tin thú vị về một thời kỳ của làng xã nói chung, hương ước nói riêng. Vài năm gần đây, ngày càng có nhiều công trình liên quan tới hương ước cải lương thí điểm cũng như công cuộc cải lương thí điểm được công bố.

Trong những công trình đó, cải lương thí điểm đã được đề cập ở nhiều mức độ, hoặc nghiên cứu văn bản cải lương thí điểm trước 1921 (Đinh Thị Thùy Hiền); hoặc nghiên cứu cải lương thí điểm tại một tỉnh với quy mô luận văn thạc sĩ, hay một bài trên tạp chí (Nguyễn Thị Lệ Hà, Lê Thị Hằng); hoặc nghiên cứu về một số vấn đề trong công cuộc cải lương thí điểm tại một vùng rộng là Bắc Kỳ (Đào Phương Chi), v.v. Dù triển khai nghiên cứu ở quy mô lớn nhỏ khác nhau, với những ý kiến không thống nhất về địa bàn thí điểm, thời gian tiến hành thí điểm..., nhưng các tác giả đều có chung một nhận định: trước khi bước vào giai đoạn cải lương hương chính/hương tục chính thức, được đánh dấu bằng Nghị định ngày 12 tháng 8 năm 1921 của Thống sứ Bắc Kỳ, đã có một giai đoạn cải lương hương chính/ hương tục thí điểm.

Khảo sát các văn bản hương ước thuộc giai đoạn này, chúng tôi thấy không ít văn bản cho biết việc cải lương thí điểm là do Chính phủ hoặc “quan trên” chỉ đạo. Ví dụ: “Thừa chỉ dụ và thể ý Nhà nước hiểu dụ khuyên bảo cho các xã hội cải lương, nay dân chúng tôi hội họp tại đình, bằng lòng xin đổi phong tục cũ xa xỉ và không có lễ pháp mà lập ra phong tục mới để cho ích lợi”¹². “Độ trước có thừa tiếp giấy sức của quan tỉnh chúng tôi sức rằng các dân hạt chúng tôi làng nào phải cải lương tỉnh giảm các lệ ngạch lập thành sổ sách (...) để đệ lên huyện rồi xét bảm tỉnh”¹³. “Nay nhờ ơn trên quan lớn tỉnh có lòng vì dân mà giảng bảo dân chúng tôi hết các điều công ích thì dân chúng tôi đã thỏa thuận cùng nhau mà định các điều khoán lệ mới kê ra sau này”¹⁴.

Hầu hết các công trình nghiên cứu có đề cập phong trào cải lương hương tục

thí điểm xưa nay đều cho rằng, việc thí điểm chỉ diễn ra tại tỉnh Hà Đông. Nhưng việc xuất hiện sự “hiểu dụ khuyến bảo” của các quan tỉnh không chỉ ở tỉnh Hà Đông đã chứng tỏ sự quan phương hóa, phổ cập hóa của công cuộc cải lương thí điểm. Sự quan phương hóa đó đã chứng tỏ việc cải lương thí điểm này không phải là một hành động tự phát, mà đã thực sự được thực hiện dưới sự chỉ đạo của “quan trên”, mà theo các văn bản ở đây cho biết là “quan tỉnh” (AFa.3/58, AFa.2/23), hay cụ thể hơn là “quan Tuần phủ tỉnh” (AFa.3/59, tờ 23a). Cho dù chỉ thực hiện ở một tỉnh là Hà Đông như quan điểm của một số nhà nghiên cứu khác, hay thực hiện ở nhiều tỉnh như kết luận của chúng tôi [3], thì công cuộc cải lương thí

điểm này cũng đã diễn ra trong một thời gian khá dài, khoảng 15-16 năm (từ 1905-1906 đến trước 12 tháng 8 năm 1921, thời điểm Thống sứ Bắc Kỳ ban hành Nghị định) [3]. Và giai đoạn này đã để lại một số lượng văn bản hương ước¹⁵ không nhỏ, mà qua đó, quan điểm về cải lương, mức độ cải lương về nhiều mặt... tại làng xã đã được thể hiện một cách hết sức phong phú, cung cấp nguồn tài liệu có giá trị trong việc nghiên cứu văn hóa, xã hội, kinh tế, lịch sử... làng xã trong thời kỳ đó.

Xét từ hình thức và nội dung, có thể thấy hương ước cải lương thí điểm mang những điểm khác biệt so với hương ước cổ và hương ước cải lương như sau:

Bảng 2: Sự khác biệt chủ yếu giữa ba loại hương ước “cổ”, “cải lương thí điểm” và “cải lương”

	Hương ước cổ	Hương ước cải lương thí điểm	Hương ước cải lương
Nội dung	- Nhiều hủ tục - Không có vấn đề cải lương hương chính	- Giảm bớt hủ tục - Có thể có vấn đề cải lương hương chính	- Không có hủ tục - Có vấn đề cải lương hương chính
Mức độ cải lương	Không có	Không triệt để	Triệt để ¹⁶
Kết cấu văn bản	Không có định	Tính có định không cao	Có định

“Cải lương Hương chính” ở đây bao gồm 2 vấn đề: lập Hội đồng tộc biểu và lập sổ sách chi thu. Đây là hai nội dung mà sau này đã được quy định cụ thể với tính chất bắt buộc trong Nghị định của Thống sứ Bắc Kỳ. Ngoài nội dung hương chính không thể thiếu trong hương ước cải lương, thì ảnh hưởng của chính quyền Pháp tới nội dung hương ước thí điểm và cải lương còn thể hiện ở 3 vấn đề chủ yếu sau: (1). Vệ sinh (phòng chống bệnh truyền nhiễm; quy định

về nhà vệ sinh; quy định về thời hạn chôn cất người chết); (2). Phạm cấm (rượu lậu; thuốc phiện lậu; cờ bạc); (3). Tuổi đi học của trẻ. Những vấn đề này hoàn toàn không hiện diện trong hương ước cổ; có thể thấy thấp thoáng trong hương ước cải lương thí điểm và xuất hiện khá thường xuyên trong hương ước cải lương.

Sự thay đổi của văn bản, ngoài một nét rất dễ nhận ra là có cải lương “hương chính” thì còn một nội dung cũng rất

quan trọng là cải lương về “hương tục”. Có thể hình dung về nội dung, mức độ cải lương, kết cấu văn bản của hương ước cải lương thí điểm qua kết quả thống kê bước đầu về mức độ cải lương trong 6 mục chính

là: Lập hội đồng, Khao vọng, Hôn nhân, Tang ma, Sổ chi thu, Tế tự của một số văn bản hương ước loại này tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm¹⁷ [5, tr.68-74]:

Bảng 3: Mức độ cải lương một số mục chính được thể hiện trong hương ước cải lương thí điểm

Mục	Lập Hội đồng	Khao vọng	Hôn nhân	Tang ma	Sổ chi thu	Tế tự
% cải lương trong các văn bản	33,3	61,1	60,4	72,25	47,9	50

Vì kết quả này chỉ dựa trên 18 văn bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, nên chắc chắn chưa thể hiện một cách chính xác tuyệt đối thực trạng của hương ước cải lương thí điểm, nhưng kết quả ấy cũng cho thấy phần nào tình hình cải lương thí điểm đương thời cũng như diện mạo văn bản hương ước giai đoạn đó.

Dù thông tin trong các văn bản hương ước cho thấy một thực tế phức tạp hơn nhiều so với sự thể hiện ở Bảng 2 và Bảng 3, nhưng theo chúng tôi, có thể coi đây là các đặc điểm chính để phân biệt ba loại hương ước. Những đặc điểm đó đã thể hiện khá rõ tính chất trung chuyển của hương ước cải lương thí điểm đối với hương ước cổ và hương ước cải lương, cũng như “độ chênh” của nó so với hai loại hương ước còn lại. Và “độ chênh” ấy cũng đủ để không thể xếp lẫn hương ước cải lương thí điểm với một trong hai loại đó. Có điều, cần nói thêm rằng không phải tất cả những văn bản tục lệ xuất hiện trong giai đoạn 1905-1906 đến trước ngày ra Nghị định kể trên đều là những văn bản mang nội dung cải lương thí điểm. Ở nhiều tỉnh, bên cạnh những

văn bản “hương ước cải lương” vẫn thấy tồn tại song song loại văn bản nội dung không mang hơi hướng cải lương, mà vẫn hoàn toàn là “hương ước cổ”. Ví dụ như, tục lệ xã Nha Xá tổng Mộc Hoàn huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam¹⁸, định bản vào năm Khải Định 3 (1918); tục lệ xã Thanh Xá tổng Khổ Nhu huyện Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên¹⁹, định bản vào năm Duy Tân 8 (1914); tục lệ xã Gia Lộc tổng Cổ Loa huyện Đông Anh tỉnh Phúc Yên²⁰, định bản vào tháng giêng năm Khải Định 6, tức là khoảng từ tháng 8 tháng 2 đến tháng 9 tháng 3 năm 1921, v.v.. Sở dĩ có hiện tượng trên là bởi đó mới chỉ là một cuộc vận động, chưa có quy chế chặt chẽ, sự cải lương vẫn tùy thuộc vào ý thức của từng làng xã... Bởi vậy, đối với nhiều địa phương, đây là một giai đoạn “chung sống hòa bình” giữa “hương ước cổ” và “hương ước cải lương thí điểm”. Nói cách khác, đây là giai đoạn “quá độ lên hương ước cải lương”. Điểm khác biệt lớn nhất của Hương ước cải lương thí điểm so với Hương ước cải lương là ở chỗ: tuy đã mang hơi hướng cải lương, nhưng nó có nội dung phong phú, đa dạng

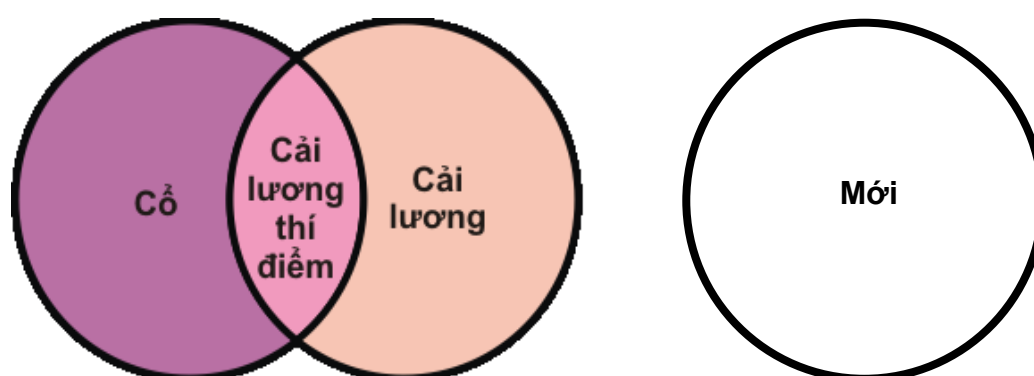
và mức độ cải lương nhiều ít ra sao là do quan điểm của các thành viên làng xã, hoàn cảnh của từng làng xã quyết định, chứ không phải đi theo một khuôn mẫu cố định như văn bản hương ước sau Nghị định. Bởi vậy, những văn bản hương ước giai đoạn này là nguồn tư liệu quý cung cấp thông tin về văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị... của làng xã, đồng thời cũng phản ánh đầy đủ những thay đổi về quan niệm và sự trăn trở, cân nhắc giữa hai con đường: tiếp tục lưu giữ nếp sống cũ hay chuyển sang nếp sống mới.

Với tính quan phương trong tổ chức thực hiện, phong phú về văn bản hương ước, đa dạng về thông tin cung cấp, rộng rãi về quy mô tiến hành, cải lương hương tục thí điểm hoàn toàn xứng đáng được nghiên cứu một cách thấu đáo, hệ thống hơn. Với những đặc điểm riêng biệt, không giống với hai loại hương ước trước và sau nó là “hương ước cổ” và “hương ước cải lương”, “hương ước cải lương thí điểm” cũng cần phải có một chỗ đứng riêng trong hệ thống hương ước Việt Nam. Và phải chăng, nếu phân kỳ hương ước thành ba loại theo cách truyền thống là chưa được công bằng với “hương ước cải lương thí điểm”, cũng chưa đánh

giá đúng về vai trò của nó trong lịch sử. Điều đó chẳng khác nào chúng ta đã cắt bỏ đi một bộ phận nội sinh trong cơ thể của hương ước Việt Nam. Bởi vậy, nên chăng, cần có một cách phân kỳ khác để có thể khái quát được chính xác, đầy đủ hơn lịch sử phát triển của hương ước Việt Nam, mà theo chúng tôi, gồm bốn giai đoạn: 1. Hương ước cổ, 2. Hương ước cải lương thí điểm, 3. Hương ước cải lương, 4. Hương ước mới. Trong đó, trên cơ sở những thông tin trong các tài liệu hữu quan cũng như thực tế lịch sử, có thể xác định được thời gian tồn tại cụ thể của từng loại hương ước như sau:

- Hương ước cổ: từ TK XV đến trước 12/8/1921 (Ngày ban hành Nghị định);
- Hương ước cải lương thí điểm: từ 1905 - 1906 đến trước 12/8/1921;
- Hương ước cải lương: từ sau 12/8/1921 đến trước 8/1945 (Cách mạng tháng Tám);
- Hương ước mới: từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây.

Có thể biểu diễn cách phân kỳ ấy qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ phân kỳ hương ước Việt Nam

Xét về yếu tố thời gian, ta thấy có sự chồng lấn giữa hương ước cổ và hương ước cải lương thí điểm, nhưng xét về nội dung, mục đích, tinh thần, tính chất... những yếu tố có thể coi là “xương sống” để phân kỳ, phân loại hương ước, thì rõ ràng, “hương ước cải lương thí điểm” có một vị trí riêng, không thể lẫn với các hương ước ở giai đoạn trước và sau nó. Chúng ta có thể bắt gặp sự chồng lấn tương tự, dù rất mờ nhạt, trong thời cải lương hương chính, thời kỳ mà sự cải lương đã đi vào chính thức, với những nghị định, khuôn mẫu hẳn hoi, thì cá biệt vẫn còn những “hương ước cổ” [6, tr.127] như một vài hiện tượng phản kháng yếu ớt, lẻ loi. Xét từ thực tế văn bản như vậy, chúng ta sẽ nhận ra, phải chăng, phân kỳ trên một cơ sở duy nhất là thời gian, hoặc sự kiện như trước nay vẫn làm có vẻ là điều chưa hoàn toàn thỏa đáng²¹.

5. Nhận diện ba loại hương ước: cổ, thí điểm, cải lương (qua hương ước xã Thụy Phương)

Như trên đã nói, sự khác biệt lớn nhất giữa hương ước cổ và hương ước cải lương nằm ở chỗ: hương ước cổ thì còn khá nhiều hủ tục và không có vấn đề cải lương hương chính còn hương ước cải lương thì không có hủ tục và có vấn đề cải lương hương chính. Hương ước thí điểm thì nằm giữa hai loại này: có cải lương hủ tục nhưng không triệt để; có thể có vấn đề cải lương hương

chính hoặc không. Do giới hạn của bài viết, chúng tôi chọn nghiên cứu hương ước làng Thụy Phương vì đây là một trong số ít làng còn cả văn bản hương ước của ba giai đoạn cổ, thí điểm và cải lương. Hơn nữa, có một sự thú vị là trong giai đoạn thí điểm, làng này có tới 2 lần điều chỉnh hương ước chứ không phải chỉ có một lần như phần đông các làng. Về sự chuyển đổi hương ước của làng này, chúng tôi cũng chỉ tập trung trình bày về vấn đề giảm/ bỏ hủ tục, vì đây mới là nội dung thể hiện sự khác biệt của các làng, còn vấn đề bổ sung hương chính thì các làng gần như chỉ rập khuôn mà ít xuất hiện nét riêng.

Kể từ năm Đồng Khánh 1 là năm văn bản hương ước sớm nhất hiện còn của làng Thụy Phương được định bản, đến năm Bảo Đại 12 (1937), xã này đã có thêm 3 lần bổ sung, sửa đổi tục lệ. Cũng giống như các làng xã khác, các văn bản cải lương và cải lương thí điểm của xã Thụy Phương cũng được điều chỉnh theo 2 hướng: cải lương nội dung *hương chính* và sửa đổi nội dung *hương tục*. Việc sửa đổi chủ yếu tập trung vào tế lễ, cưới hỏi, tang ma, khao vọng²² [3], [4]. Bởi vậy, chúng tôi sẽ tập trung vào 4 vấn đề trên. Trong 4 vấn đề đó, người viết cũng chỉ giới thiệu những điều lệ mang tính đại diện, chứ không liệt kê toàn bộ. Để tiện hình dung, chúng tôi sẽ lập bảng thống kê một số nội dung cải lương đáng chú ý của xã Thụy Phương trong các lần điều chỉnh văn bản hương ước:

Bảng 4: Một số nội dung cải lương của xã Thụy Phương

Nội dung	Quy định				
	<i>Tục cũ</i> ²³	<i>Đồng Khánh 1 (1886)</i>	<i>Thành Thái 18 (1906)</i>	<i>Duy Tân 9 (1915)</i>	<i>Bảo Đại 12 (1937)</i>
<i>Động thổ</i>		mỗi giáp biện gà hai con, xôi 1 mâm và trầu rượu hành lễ [6b] ²⁴	giáp Đương cai chính biện gà sống 1 con, 15 đầu xôi, trầu 20 khẩu, rượu 1 nai [21a]		sáu chục khẩu trầu lễ 100 trầu ăn và 1 chai rượu [14b]
<i>Hương lão sáu bảy tám chục tuổi</i>	có lễ kính tại bản xã bản giáp bản ngõ rất phiền nặng		trầu rượu kính lễ [27a]		
<i>Quan viên sắc mục tử tôn</i>	sinh lễ ²⁵		rượu 1 bình, trầu 100 khẩu		
<i>Nạp thái</i>	Cổ xa hoa Nữ trang		đệ nhất hạng: lợn 1 lễ, thanh tiền 100 quan; trung đẳng: lợn 1 lễ, thanh tiền 60 quan Hạ đẳng: gà 1 lễ, thanh tiền 30 quan [38a]		
<i>Tiền cheo</i>	hàng giáp hàng ngõ lấy tiền cheo; giăng dây			20 phong trầu; 1 phong trầu trăm; 1 đồng bạc [22b]	Theo như lệ năm Duy Tân 9 (1915)
<i>Tang lễ</i>	Hạng Nhất: nộp lệ các hàng đồng khóa; bánh nguru; cỗ đại tiểu tường		Hạng nhất: bản giáp 40 quan, bản ngõ 15 quan, quan viên 15 quan, lễ nhạc mỗi giáp 4 quan, Thượng lão 3 quan, Hội lão 3 quan, Kỳ mục 3 quan, Hương lão 3	Thượng lệ 1 lễ xôi lợn; mời quan viên lễ nhạc giúp tế; mời các hàng và phe xóm mình ăn uống, không được chè bánh cỗ bàn như trước nữa. Đến tuần tế ngu cũng thế, nộp công dân 250 quan tiền để sung công và	Theo như lệ năm Duy Tân 9 (1915)

	quan, cho miễn thanh tiền 200 quan, cau 1 buồng, theo cụ tục	1 buồng cau, 2 chai rượu thôi, còn như tiền lệ các hàng chỉ phải nộp quan viên 10 quan, lễ nhạc mỗi hàng 2 quan, xóm 5 quan, phe 15 quan, phường trống bát âm thợ kèn mỗi hàng 1 quan. Còn ngoài ra các hàng không được tiền lệ nữa. Về sau đến ngày giỗ đầu giỗ hết không phải mời tế như trước nữa
Hạng Nhì: cỗ bàn (?); cỗ trợ táng	Hạng nhì: bản giáp 20 quan, bản ngõ 10 quan, nộp công dân 60 quan. Cỗ đại tường mời khắp các hàng. Còn lại thì cho miễn	Trung lệ thì tế thành tổ và tế ngu cũng như Thượng lệ, còn lệ riêng quan viên lễ nhạc và giáp ngõ các hàng dưới cứ chiếu nửa Thượng lệ mà nộp, xong rồi phải nộp tại dân 150 quan tiền sung công
Hạng Ba: mời khắp	Hạng ba: thác trung lệ chỉ ngu tế 1 tiết cho mời quan viên Hội lão lễ nhạc lý dịch Kỳ mục Hương lão đồng khóa bản giáp bản ngõ mà thôi. Còn lại không được mời khắp chiếu nộp tiền lệ tại bản giáp 10 quan, bản ngõ năm quan, quan viên năm quan, lễ nhạc mỗi giáp hai quan, còn lại mỗi nơi 1 quan	Lệ thác trung chỉ có tế ngu 1 tuần, cho mời các hàng đến, cứ lễ xôi lợn ấy ăn uống, tiền lệ thì phải nộp dân 10 đồng bạc sung công, hàng giáp 1 đồng, xóm 5 hào, còn quan viên lễ nhạc cùng là các hàng không phải lệ ngạch gì nữa
Hạng Tư: tiền lệ làng + ngõ; cỗ xa phí	Hạng tư: Hạ lệ. Nộp tiền lệ ba quan; bản ngõ đều miễn không được xa phí như cũ	Hạ lệ. Khi nào nhà ai có người mất đi thì nhà hiếu chủ ấy phải đưa trong hàng giáp ấy mỗi người

				1 miếng trâu để đi hộ táng. Khi hàng giáp đến ăn uống rồi, cho nộp giáp ấy 3 quan
		Hạng năm: hạ hạ lệ: lệ trâu 100 khẩu, rượu 1 nai, thanh tiền 1 quan hai mạch		
	Không được xa phí như cũ			Gặp lúc lệ dịch thì phải mời giáp ấy đem đi táng ngay, khi đã an rồi mới được nộp lệ. Nếu không nghe dân bắt phạt 1 đồng sung công. Nhược bằng ai nghèo khó quá biện 1 quan 2 tiền và 100 trâu
<i>Thượng điền</i>	Con sinh, xôi	Gộp Thượng điền, Com mới, Xôi mới làm một. Lễ ấy mỗi giáp sửa 1 lễ xôi lợn để hợp tế [60b]	Theo như lệ năm Thành Thái 18 (1906) [17b]	giáp cai cả sửa 1 lễ lợn xôi trâu rượu còn các giáp 1 lễ gà xôi trâu rượu
<i>Com mới</i>	các giáp phải chỉnh lợn xôi trâu rượu đặt lễ	n.t ²⁶ [60b]	n.t [17b]	
<i>Xôi mới</i>	các giáp lễ dùng sinh, xôi trâu rượu [6a]	n.t [60b]	n.t [17b]	

Có thể thấy, việc cải lương trong các văn bản tục lệ đều theo hướng tiết giảm kinh phí. Trong đó, tế lễ và tang lễ được quan tâm hơn cả. Trong các hạng mục cải lương được thể hiện trong bảng này, thì lễ Động

thổ, lễ Thượng điền và lệ tang có số lần cải lương nhiều nhất (Động thổ và Thượng điền được cải lương lần đầu trong đợt thí điểm năm Thành Thái 18 (1906) rồi trong giai đoạn cải lương chính thức

(Bảo Đại 12 - 1937) lại được cải lương lần nữa. Ở tiết Động thổ, theo tục cũ, mỗi giáp đều phải có gà, xôi, rượu, trầu. Năm Thành Thái 18 đổi thành: tuy lễ phẩm vật như trước, nhưng chỉ có giáp đương cai phải biện, rồi đến năm Bảo Đại 12, tế phẩm chỉ còn trầu rượu. Trước đó, Thượng điền, Cơm mới, Xôi mới mỗi tiết đều phải tế lễ. Đến năm hành Thái 18 không chỉ hợp ba tiết làm một, mà đồ tế cũng tiết kiệm hơn. Rồi đến Bảo Đại 12 lại cải lương lần nữa: không phải là các giáp đều phải biện đồ lễ mà chỉ có hai lễ, trong đó một là của giáp Đương cai, một do các giáp còn lại biện chung.

Tang lễ cũng được cải lương 2 lần: một lần vào năm Thành Thái 18 (1906) và một lần là năm Duy Tân 9 (1915) - cả hai lần đều nằm trong giai đoạn cải lương thí điểm. Theo tục cũ, tang chủ có thể chọn nộp một trong 4 lệ, lệ nào cũng có cỗ bàn ít nhất là một lần, đến năm Thành Thái 18, cả 4 lệ đã được bãi bỏ cỗ bàn. Ngoài ra, để tiết giảm cho tang chủ, người xã Thụy Phương còn thay 4 lệ thành 5 lệ. Sau đó đến năm Duy Tân, 9 chi phí của 5 hạng hầu hết đều được giảm thêm lần nữa.

6. Kết luận

Văn bản tục lệ Việt Nam là nguồn tư liệu vừa ẩn chứa những thông tin thú vị, vừa bao hàm không ít phức tạp, khó khăn, mà phân kỳ hương ước là một trong những vấn đề khó khăn, phức tạp ấy. Trở lên, chúng tôi đã bàn lại về cách phân kỳ hương ước Việt Nam trên cơ sở khảo sát các văn bản Hán Nôm, đồng thời mạnh dạn đưa ra cách phân kỳ mới, ngõ hầu chỉ ra được toàn bộ các giai đoạn lịch sử của

hương ước Việt Nam. Mong được các nhà nghiên cứu chỉ chính.

Chú thích

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 602.99-2018.304.

² Theo Vũ Duy Mền, ở Việt Nam có tới 50 cách định danh khác nhau để chỉ hương ước (*Hương ước làng xã Bắc Bộ Việt Nam với luật làng KanTo Nhật Bản (Thế kỷ XVII-XIX)*, Viện Sử học, 2001, tr.27). Trong bài viết này, chúng tôi chọn dùng thuật ngữ “hương ước”, vì trước nay, khi phân kỳ loại văn bản này, các nhà nghiên cứu thường quen dùng thuật ngữ trên.

³ Trong thực tế có nhiều bản ghi bằng chữ Nôm và một số ít bản ghi bằng chữ quốc ngữ.

⁴ Trong thực tế, hương ước cải lương được biên soạn rải rác suốt trong vòng hơn 20 năm, từ sau ngày 12/8/1945 đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 chứ không phải chỉ được bổ sung vào các năm 1927 và 1941.

⁵ Thực tế, hương ước cải lương, đứng sau số lượng của những bản viết bằng chữ quốc ngữ là những bản viết bằng chữ Nôm, bản viết bằng chữ Hán tuy có nhưng tương đối hiếm gặp.

⁶ Trên thực tế, hương ước tại Việt Nam xuất hiện muộn nhất là vào thế kỷ XV và bản hương ước sớm nhất hiện còn có niên đại vào thế kỷ XVII, chứ không phải đến thế kỷ XIX mới có.

⁷ Thực ra là Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Viện Thông tin Khoa học xã hội đều có lưu trữ cả hương ước cổ lẫn hương ước cải lương, chứ không phải mỗi nơi lưu trữ một loại.

⁸ 《改良鄉會議定》, AB.475. Trong bài viết này, văn bản Hán Nôm mang ký hiệu HUN là của Viện Thông tin Khoa học xã hội, các ký hiệu khác đều thuộc Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

⁹ Ký hiệu A.330: tờ 51a-51b.

¹⁰ Xin xem các cuốn sách quy định mẫu hương ước, ví dụ như: Trần Văn Minh (1924), *cải lương thực lục*, Nhà in Kim Đức Giang, Hà Nội.

¹¹ Theo Đinh Gia Khánh (1996), năm 1996, ở tỉnh Hà Bắc (Bắc Ninh ngày nay) đã có 1.580 làng, xã soạn thảo xong hương ước mới. Ở huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình, tính đến giữa năm 1994, đã có trên 50% số làng soạn thảo xong hương ước mới (“Về một số hiện tượng văn hóa dân gian đang sống động trong xã hội”, Tạp chí *Văn hóa dân gian* số 1/1996, tr.5).

¹² *Hà Nam tỉnh Lý Nhân phủ Kim Bảng huyện Nhật Tựu tổng Siêu Nghệ xã tục lệ*, AF.a10/4, tờ 7a.

¹³ *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Yên Phú tổng Hào Xuyên xã Thượng thôn tục lệ*, AFa.3/58, tờ 1b.

¹⁴ *Hà Đông tỉnh Đan Phượng huyện Thọ Lão tổng Thanh Diêm xã chính trị phong tục*, AFa.2/23, tờ 1a.

¹⁵ Do “tục lệ” là từ được dùng với tần suất cao tuyệt đối so với các tên gọi khác như “hương ước”, “khoán lệ”, “hương lệ”... trong các văn bản tục lệ giai đoạn cải lương thí điểm, nên ở các bài viết trước, chúng tôi đã lấy “tục lệ” làm từ để chỉ những văn bản dạng này. Nhưng như phần đầu bài viết đã đề cập, do từ trước tới nay, chúng ta đã quen với các thuật ngữ “hương ước cổ”, “hương ước cải lương”, “hương ước mới”, nên trong bài viết này, chúng tôi cũng dùng khái niệm “hương ước cải lương thí điểm” cho thống nhất.

¹⁶ Đó đây có những văn bản cải lương không triệt để, nhưng chỉ là cá biệt.

¹⁷ Kết quả này được rút ra qua việc khảo sát 18 bản tục lệ cải lương thí điểm viết bằng chữ Nôm hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

¹⁸ “Hà Nam tỉnh Duy Tiên huyện Mộc Hoàn tổng Nha Xá xã tục lệ”, trong *Hà Nam tỉnh Duy Tiên huyện Mộc Hoàn tổng các xã tục lệ*, AF.a10/23.

¹⁹ “Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khổ Nhu tổng Thanh Xá xã tục lệ”, trong *Hưng Yên tỉnh Yên Mỹ huyện Khổ Nhu tổng các xã tục lệ*, AFa.3/27.

²⁰ “Phúc Yên tỉnh Đông Anh huyện Cổ Loa tổng Gia Lộc xã tục lệ”, trong *Phúc Yên tỉnh Đông Anh huyện Cổ Loa tổng tục lệ*, AF.a7/1.

²¹ Tác giả “Ba thời kỳ phát triển của hương ước” có lẽ do quan điểm phân kỳ theo thời gian/ sự kiện trên, nên đã xếp hương ước của 2 làng Yên Sở, làng Yên Lộ thuộc Hà Tây (Hà Nội ngày nay) vào nhóm “Hương ước cổ”, dù về bản chất, chúng không còn “cổ” nữa, vì như chính tác giả công nhận là các hương ước trên đã “chịu ảnh hưởng của Pháp quyền hiện đại” (Bđd, tr. 127).

²² Có thể nhận thấy sự tương đồng về nội dung cải lương chủ yếu của xã Thụy Phương với các làng xã cùng thời kỳ.

²³ Nội dung của tục cũ là do chúng tôi dựa vào thông tin của các bản tục lệ xã Thụy Phương mà chất lọc thành, chứ không phải là có 1 bản hương ước khác ngoài 4 văn bản hương ước của xã này được định bản trong các năm 1886, 1906, 1915 và 1937 kể trên.

²⁴ Số trong [] là số tờ ghi nội dung đó trong văn bản.

²⁵ Sinh lễ: lễ con sinh (trâu hoặc bò hoặc lợn hoặc dê) để cúng thần.

²⁶ “n.t” có nghĩa là quy định giống như hàng trên cùng cột.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Thái Bình (1970), *Thái Bình năm lần đón Bác*.
- [2] Đào Phương Chi (2013), “Bước đầu tìm hiểu về việc thí điểm cải lương hương tục ở Bắc kỳ qua một số văn bản tục lệ bằng chữ Nôm”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 1.
- [3] Đào Phương Chi (2013), “Cải lương về tế tự qua cải lương hương tục thí điểm: Nhìn từ văn bản tục lệ”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 4.
- [4] Đào Phương Chi (2014), “Những khác biệt về cưới hỏi, tang ma, khao vọng tại Bắc Kỳ trước

- và sau cải lương hương tục thí điểm”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 6.
- [5] Đào Phương Chi (2015), “Thử giải mã các khái niệm được sử dụng trong giai đoạn cải lương thí điểm qua một số văn bản tục lệ chữ Nôm”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 9.
- [6] Phan Đại Doãn và Bùi Xuân Đính (2000), “Ba thời kỳ phát triển của hương ước”, *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bùi Xuân Đính (1998), *Hương ước và quản lý làng xã*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Thị Lệ Hà (2012), “Tình Hà Đông - nơi thí điểm chính sách cải lương hương chính thời Pháp thuộc”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9.
- [9] Lê Thị Hằng (2008), *Chính sách cải lương hương chính do chính quyền Pháp tiến hành ở Bắc kỳ - qua thực tiễn tỉnh Hà Đông*, Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Thư viện Khoa Sử, Đại học Sư phạm Hà Nội, ký hiệu 0-1/266, Hà Nội.
- [10] Đinh Thị Thùy Hiền (2012), “Bước đầu tìm hiểu “hương ước cải lương” ở Bắc Kỳ trước năm 1921”, Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 28.
- [11] Đinh Gia Khánh (1995), *Văn hóa dân gian Việt Nam với sự phát triển của xã hội Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Thế Long (2000), *Hà Nội xưa qua hương ước*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [13] Ngô Đức Thịnh (2000), “Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam” *Luật tục với việc phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [14] Đào Trí Úc (Chủ biên) (2003), *Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [15] 《改良鄉會議定》, AB.475, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [16] 《河東省丹鳳縣清恬社政治風俗》, AF.a2/23, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [17] 《河東省懷德府慈廉縣富家總瑞芳社風》, AF.a2/63, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [18] 《河南省維先縣木丸總衙舍社俗例》, AF.a10/23, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [19] 《河南省金榜縣日就總超詣俗例》, AF.a10/4, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [20] 《興安省安美縣安富總豪川社上村俗例》, AF.a3/58, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [21] 《興安省安美縣跨樞總青舍社俗例》, AF.a3/27, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [22] 《福安省東英縣古螺總嘉祿社俗例》, AF.a7/1, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [23] 《洪德善政》, A.330, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
- [24] 《瑞芳社鄉約》, HUN.642, Viện Thông tin Khoa học Xã hội.

